

Số: 540/TB-CNPC

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Căn cứ Quy định về lựa chọn Nhà cung cấp vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực - TKV.

Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV kính mời các Quý công ty/đơn vị có năng lực và kinh nghiệm tham gia chào giá cung cấp hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

- Tên bên mời chào giá: **Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV**

Địa chỉ: Ngõ 719, Đường Dương Tự Minh, Phường Quan Triều, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0208 3844 177

- Tên đơn hàng: **Cung cấp Dầu Đêzen 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) phục vụ sản xuất năm 2026**

- Thời gian phát hành Hồ sơ mời chào giá: Từ thời điểm Thông báo mời chào giá được đăng tải trên website của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Tổng công ty Điện lực TKV đến trước 14 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 4 năm 2026.

- Địa điểm phát hành Hồ sơ mời chào giá: Văn phòng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV (Ngõ 719 - Đường Dương Tự Minh - Phường Quan Triều – Tỉnh Thái Nguyên).

- Địa chỉ nhận Hồ sơ chào giá: Văn phòng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV (Ngõ 719 - Đường Dương Tự Minh - Phường Quan Triều – Tỉnh Thái Nguyên).

- Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá: 14 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 4 năm 2026.

- Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào 14 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 4 năm 2026 tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV (Ngõ 719 - Đường Dương Tự Minh - Phường Quan Triều – Tỉnh Thái Nguyên).

- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp Hồ sơ chào giá tới tham dự lễ mở Hồ sơ chào giá vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- TKV; TCT (đăng tải);
- Lưu: VT, KHĐT.VT.



Nguyễn Việt Cường

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

(Được ban hành kèm theo Quyết định: 20.5.../QĐ-CNPC ngày 26.../3/2026)

Tên đơn hàng: Cung cấp Dầu Đêzen 0.05S-II mức 2 (DO 0.05S-II) phục vụ sản xuất năm 2026.

Số hiệu đơn hàng: DO-2026

Ngày phát hành: 26 /3/2026

Handwritten signature

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**BÊN MỜI CHÀO GIÁ
GIÁM ĐỐC**



Handwritten signature
Nguyễn Việt Cường

Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1: Bên mời chào giá

1. Tên của Bên mời chào giá: Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV
2. Bên mời chào giá mời tham gia chào giá rộng rãi cung cấp vật tư theo đơn hàng “Cung cấp Dầu Diesel 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) phục vụ sản xuất năm 2026”.
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng hiệu lực đến hết 30/04/2027

Mục 2: Các yêu cầu về hàng hoá

2.1 Yêu cầu chung

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Hàng hoá nguyên đai kẹp chì phương tiện vận chuyển, đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất, chất lượng hàng hoá phù hợp với yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá này.

Nhà thầu phải cam kết cung cấp văn bản sau đây để phục vụ giám định chất lượng hàng hoá gồm:

- Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu là hàng hoá nhập khẩu)
- Giấy kiểm tra chất lượng hàng hoá của đơn vị độc lập thể hiện đầy đủ các tiêu chí như bảng chỉ tiêu chất lượng của Dầu Diesel 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) tại mục 2.2 – Chương I - Hồ sơ mời chào giá này
- Giấy chứng nhận kiểm định dung tích của phương tiện vận chuyển và các giấy tờ khác có liên quan theo quy định.
- Đơn vị tính trong giao nhận: lít

2.2 Yêu cầu chi tiết về hàng hoá

Dầu Diesel 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) đạt các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử của nhiên liệu Dầu Diesel 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) được quy định tại TCVN 5689:2024 xuất bản lần 5 do Bộ khoa học Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định 3455/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2024 về việc công bố Tiêu chuẩn Quốc gia.

Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử của nhiên liệu Dầu Diesel 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II)

TT	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp thử
		2	3	4	5	
1	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max	500	350	50	10	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)

Handwritten signature and date:
2/4/25

TT	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp thử
		2	3	4	5	
2	Xêtan, min					TCVN 7630 (ASTM D 613) TCVN 3180 (ASTM D 4737) ASTM D 976
	- Trị số Xêtan	46	48	50	50	
	- Chỉ số Xêtan	46	46	46	46	
3	Nhiệt độ cất °C, max	360	360	360	-	TCVN 2698 (ASTM D 86)
	- 90% thể tích thu hồi					
	- 95% thể tích thu hồi	-	-	-	360	
4	Điểm chớp cháy cốc kín, °C, min	55	55	55	55	TCVN 6608 (ASTM D 3828) TCVN 2693 (ASTM D 93) ASTM D 7094
5	Độ nhớt động học ở 40°C, mm ² /s	2,0-4,5	2,0-4,5	2,0-4,5	2,0-4,5	TCVN 3171 (ASTM D 445) ASTM D 7042
6	Cặn cacbon của 10% cặn chung cát, % khối lượng, max	0.30	0.30	0.30	0.30	TCVN 6324 (ASTM D 189) TCVN 7865 (ASTM D 4530)
7	Điểm cháy (điểm đông đặc), °C, max	+12	+12	+12	+12	TCVN 3753 (ASTM D 97) ASTM D 5950 ASTM D 6749
	- Mùa hè	+3	+3	+3	+3	
	- Mùa đông					
8	Hàm lượng tro, % khối lượng, max	0.01	0.01	0.01	0.01	TCVN 2690 (ASTM D 482)
9	Hàm lượng nước, mg/kg, max	200	200	200	200	TCVN 3182 (ASTM D 6304) TCVN 11048 (ASTM E 203)
10	Tạp chất dạng hạt/ mg/l, max	10	10	10	10	TCVN 2706 (ASTM D 6217)
11	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/ 3h, max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 (ASTM D 130)
12	Khối lượng riêng ở 15°C Kg/m ³	820-860	820-850	820-850	max. 845	TCVN 6594 (ASTM D 1298) TCVN 8314 (ASTM D 4052)
13	Độ bôi trơn, µm, max	460	460	460	460	TCVN 7758 (ASTM D 6079) TCVN 12016 (ASTM D 7688)

H.T. ✓
3

TT	Tên chỉ tiêu	Mức				Phương pháp thử
		2	3	4	5	
14	Hàm lượng Hydrocacbon thơm đa vòng (PAH), % khối lượng, max	-	11	11	11	TCVN 11587 (ASTM D 5186) TCVN 11589 (ASTM D 6591)
15	Ngoại quan	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 (ASTM D 4176)

Thông số kỹ thuật của hàng hoá mà nhà thầu chào phải có phiếu kết quả thí nghiệm có các chỉ tiêu về kỹ thuật đáp ứng tiêu chí nêu trên được thực hiện trong vòng 03 tháng trước ngày hết hạn chào giá tại Phòng Thí nghiệm hợp chuẩn có đủ tư cách pháp nhân thì được coi là hợp lệ.

2.3 Yêu cầu về vận chuyển hàng hoá

Nhà cung cấp phải đảm bảo các yếu tố khi vận chuyển hàng hoá như sau:

- Bảo đảm phương tiện vận chuyển chuyên dụng đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các yếu tố về an toàn giao thông.

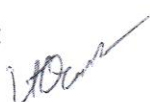
- Có phương án, phương tiện bốc xếp hàng hoá đảm bảo tối ưu, an toàn.

- Cung cấp phiếu phân tích chất lượng khi giao nhận hàng hoá.

- Bên chào giá phải chấp hành các quy định của nhà nước về an toàn phòng chống cháy nổ, về ứng phó sự cố tràn dầu và đảm bảo môi trường khi giao nhận hàng hoá. Khi xảy ra sự cố tràn dầu, sự cố cháy nổ hay sự cố ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình giao nhận hàng, bên chào giá phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và khắc phục các sự cố đó.

Mục 3: Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp:

Nhà cung cấp phải nộp các tài liệu sau:



1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh mặt hàng xăng dầu còn hiệu lực (Bản sao công chứng hoặc đóng dấu doanh nghiệp).

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy ủy quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

3.1. Báo cáo tài chính và Tờ khai quyết toán thuế TNDN trong năm tài chính gần nhất kèm theo thông báo của cơ quan thuế về việc chấp nhận nộp Hồ sơ khai thuế điện tử và xác nhận của cơ quan thuế về việc đã thực hiện nghĩa vụ thuế trong năm tài chính gần nhất. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)

3.2. Tối thiểu 01 hợp đồng có cung cấp xăng dầu với giá trị tối thiểu 3,7 tỷ đồng thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2023 đến thời điểm chào giá. Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh đã hoàn thành hợp đồng gồm: văn bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao công chứng), hoá đơn GTGT hoặc biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng.

4. Nhà cung cấp là đơn vị độc lập hoặc liên danh giữa các nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của HSMCG.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại:

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

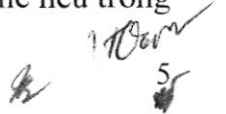
Giá chào sẽ được tính theo công thức sau:

Đơn giá chào = Giá bán lẻ - Chiết khấu giảm giá (nếu có)

Giá bán lẻ: Là giá bán lẻ Dầu Đielzen 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) vùng 1 (đã bao gồm thuế) do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) công bố trong phiên điều chỉnh giá xăng dầu gần nhất với thời điểm đóng thầu.

Chiết khấu giảm giá tối thiểu: 540 đồng/ lít (đã bao gồm thuế) cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

b. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất chiết khấu giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong



phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c. Nhà cung cấp phải chào toàn bộ khối lượng hàng hóa vật tư theo yêu cầu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a. Địa điểm giao hàng tại Kho của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV

Địa chỉ: Ngõ 719, Đường Dương Tự Minh, Phường Quan Triều – Tỉnh Thái Nguyên.

b. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 30/04/2027.

Tiến độ giao hàng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực, bên mời chào giá sẽ có thông báo đặt hàng gửi nhà cung cấp. Số lượng hàng hoá cụ thể theo nhu cầu của bên mời chào giá, nhà cung cấp phải đảm bảo cung cấp hàng hoá trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng.

3. Thanh toán:

a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

b. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

c. Thời gian thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị hàng hoá giao nhận trong vòng 30 ngày làm việc cho Bên bán sau khi giao hàng đầy đủ, đảm bảo chất lượng và có đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

d. Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán

- Hoá đơn GTGT do bộ tài chính quy định

- Biên bản kiểm nhập

- Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu là hàng hoá nhập khẩu)

- Giấy kiểm tra chất lượng hàng hoá của đơn vị độc lập thể hiện đầy đủ các tiêu chí như bảng chỉ tiêu chất lượng của dầu Diêzen 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) tại mục 2.2 – Chương I - Hồ sơ chào giá này.

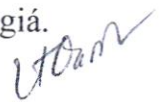

- Giấy chứng nhận kiểm định Barem dung tích của phương tiện và các giấy tờ khác có liên quan theo quy định

4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

Mục 5: Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá:

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.



6

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6: Nội dung của hồ sơ chào giá:

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản sao. Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo hình thức nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, Tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá, bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh tham gia chào giá.

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: 115 000 000 VNĐ

Bằng chữ: Một trăm mười lăm triệu đồng chẵn.

- Bên thụ hưởng: Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV

Số tài khoản: 115002688771 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Thái Nguyên

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tham gia chào giá là 75 ngày kể từ ngày hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

- Nhà cung cấp không được hoàn trả giá trị bảo đảm tham gia chào giá trong các trường hợp sau đây:

+ Nhà cung cấp có văn bản rút Hồ sơ chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá và trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá;

+ Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành ký kết hợp đồng khi được lựa chọn, trừ trường hợp bất khả kháng.

+ Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 12.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.





4. Bảng kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có), v.v theo Mẫu 03, Chương III – Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm các tài liệu chứng minh về nguồn gốc xuất xứ theo Mẫu 04, Chương III – Biểu mẫu.

6. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu 05, Chương III – Biểu mẫu.

Mục 7: Thời gian phát hành hồ sơ chào giá và thời hạn hiệu lực của hồ sơ chào giá:

1. Thời gian phát hành hồ sơ mời chào giá: là ngày đăng tải thành công trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Công Nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Điện lực - TKV đến trước 14 giờ 00 phút, ngày ..07.. tháng ..4.. năm 2026.

2. Thời hạn hiệu lực của hồ sơ chào giá là 45 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá là 14 giờ 00 phút ngày ..07 tháng ...4.. năm 2026.

Mục 8: Nộp, tiếp nhận, mở hồ sơ chào giá:

1. Hồ sơ chào giá phải được nộp trong phong bì dán kín, có niêm phong gửi về địa chỉ: Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV (Địa chỉ: Ngõ 719 – Đường Dương Tự Minh – Phường Quan Triều – Tỉnh Thái Nguyên), không muộn hơn 14 giờ 00 phút ngày ..07..tháng ..4.. năm 2026. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét. Trường hợp nộp trực tiếp thì người nộp HSCG phải xuất trình giấy giới thiệu của Nhà cung cấp cử đi nộp HSCG và CMND/CCCD của bản thân.

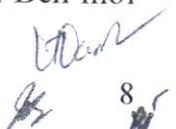
2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời và công khai tại Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV vào hồi 14 giờ 30 phút ngày ..07..tháng ..4.. năm 2026. Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời điểm đã được quy định trong Hồ sơ mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá.... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các hồ sơ chào giá cho đến khi công bố kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời



chào giá yêu cầu nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10: Đánh giá hồ sơ chào giá

Việc đánh giá hồ sơ chào giá được thực hiện theo các bước dưới đây:

1. Đánh giá chi tiết về tính hợp lệ hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau:

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá
1	Hồ sơ chào giá được nộp trước thời điểm đóng thầu và có hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSMCG	Đạt
2	Hồ sơ chào giá được niêm phong trong phong bì dán kín	Đạt
3	Số lượng Hồ sơ chào giá: 01 bản gốc + 01 bản sao	Đạt
4	Bảo đảm chào giá đáp ứng yêu cầu của HSMCG và được nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSCG (bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng..)	Đạt

Handwritten signature and date
9/10

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá
	Không đáp ứng bất kỳ nội dung nào nêu trên	Không đạt

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Hồ sơ chào giá đáp ứng về năng lực và kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt:

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá
1	Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh mặt hàng xăng dầu còn hiệu lực (Bản sao công chứng hoặc đóng dấu doanh nghiệp).	Đạt
2	Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy ủy quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).	Đạt
3	Báo cáo tài chính và Tờ khai quyết toán thuế TNDN trong năm tài chính gần nhất kèm theo thông báo của cơ quan thuế về việc chấp nhận nộp Hồ sơ khai thuế điện tử và xác nhận của cơ quan thuế về việc đã thực hiện nghĩa vụ thuế trong năm tài chính gần nhất. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Đạt
4	Tối thiểu 01 hợp đồng có cung xăng dầu với giá trị tối thiểu 3.7 tỷ đồng thực hiện trong khoảng thời gian từ 01/01/2023 đến nay. Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh đã hoàn thành hợp đồng gồm: văn bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao công chứng), hoá đơn GTGT hoặc biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng.	Đạt
5	Nếu trường hợp Nhà cung cấp là hộ kinh doanh không yêu cầu tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm như mục 3 của bảng này	Đạt
	Không đáp ứng bất kỳ nội dung nào nêu trên	Không đạt

Handwritten signature and initials
 10/

3. Đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt làm cơ sở để đánh giá về Kỹ thuật. Hồ sơ chào giá đáp ứng về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí sau được đánh giá là đạt.

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá
1	Có cam kết cung cấp toàn bộ chủng loại hàng hoá đáp ứng các yêu cầu đã nêu trong Hồ sơ mời chào giá	Đạt
2	Nhà cung cấp chào tiến độ cung cấp hàng hoá đáp ứng yêu cầu của HSMCG	Đạt
3	+ Cam kết cấp hàng hoá đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại điều 2.2 – Mục 2 – Chương I. + Có cam kết cung cấp đầy đủ các giấy tờ kèm theo hàng hoá khi giao hàng như yêu cầu tại điều 2.1 – Mục 2 – Chương I + Cung cấp các tài liệu kỹ thuật thể hiện thông số kỹ thuật của hàng hoá chào giá.	Đạt
4	Nhà cung cấp có cam kết cung cấp hàng hoá đảm bảo các yêu cầu về vận chuyển, giao nhận hàng hoá đã nêu trong Hồ sơ mời chào giá	Đạt
5	Có cam kết đáp ứng các điều kiện chính của Hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu.	Đạt
	Không đáp ứng bất kỳ nội dung nào nêu trên	Không đạt

4. Đánh giá về giá và xếp hạng:

Đối với các Hồ sơ chào giá được đánh giá hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật thì sẽ được xem xét về giá như sau:

- Cách xác định đơn giá thấp nhất theo các bước sau:
- + Bước 1. Xác định giá chào giá, giá chào giá sau giảm giá (nếu có);
- + Bước 2: Xác định giá trị ưu đãi (nếu có)
- + Bước 3: Xếp hạng nhà cung cấp có tổng giá trị đơn hàng sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 11: Quyết định lựa chọn nhà cung cấp:

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp hàng hoá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng đủ tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;
2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các Hồ sơ chào giá từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Mục 12: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

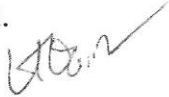
Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% tổng giá trị hợp đồng cho bên thụ hưởng là Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV.

Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: bằng tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết 30 ngày sau ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng.

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu.



Chương II: PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Cung cấp Đêzen 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) phục vụ sản xuất năm 2026.

- Số hiệu đơn hàng: DO-2026

- Yêu cầu kỹ thuật của vật tư, hàng hóa:

TT	Tên vật tư hàng hóa	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật của vật tư hàng hóa			Ghi chú
			Khối lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian giao hàng	
1	2	3	4	5	6	7
1	Đêzen 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II)	Lít	282 000	Như yêu cầu tại điều 2.2 – Mục 2 – Chương I – Hồ sơ mời chào giá	Trong vòng 03 ngày nhận được thông báo đặt hàng	

Mục 2: Địa điểm, thời gian giao hàng, phương thức xác nhận hàng.

2.1. Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV (Địa chỉ: Ngõ 719, Đường Dương Tự Minh, Phường Quan Triều, Tỉnh Thái Nguyên).

2.2. Thời gian giao hàng: không quá thời gian được quy định tại Mục 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật, Chương II-Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng.

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày:.....(Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: Cung cấp Đêzen 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) phục vụ sản xuất năm 2026

Số hiệu đơn hàng:(Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá)

Kính gửi: Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,(ghi tên nhà cung cấp), cam kết thực hiện đơn hàng(Ghi tên và số hiệu đơn hàng) theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là.....(Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền) cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là.....(Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng)

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian.....ngày, kể từ ngày.....(Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu)

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh và ký đóng dấu)



BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày:(Điền ngày, tháng, năm ký đơn hàng)

Tên đơn hàng:(Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng:(Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ chào giá)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Ký hiệu, nhãn mác sản phẩm	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hóa thứ 1						M1
2	Hàng hóa thứ 2						M2
...
n	Hàng hóa thứ n						Mn
I	Cộng: (1+2+...+n) giá trước thuế						
II	Thuế GTGT: (Mục I)						
III	Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Mục I+Mục II)						

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh và ký đóng dấu)



CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày:(Điền ngày, tháng, năm ký đơn hàng)

Tên đơn hàng:(Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng:(Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ chào giá)

1. Giao hàng:

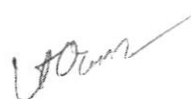
a. Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư Công ty nhiệt điện Cao Ngạn - TKV (Địa chỉ: Ngõ 719, Đường Dương Tự Minh, Phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên).

b. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa: Bên bán phải thực hiện công tác vận chuyển, bốc xếp hàng hàng hóa theo yêu cầu của Bên mua tại vị trí giao nhận.

2. Thanh toán

3. Bảo hành (nếu có):

4. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):



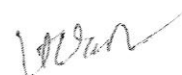
BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày:(Điền ngày, tháng, năm ký đơn hàng)

Tên đơn hàng:(Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng:(Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ chào giá)

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của vật tư được chào giá.



Mẫu số 05

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng

1. Tên hàng và khối lượng:
2. Nhà sản xuất :
3. Xuất xứ :
4. Tiêu chuẩn chất lượng: đảm bảo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật đã nêu trong Hồ sơ mời chào giá.
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: như danh mục ở Chương II

II. Hình thức hợp đồng

- Loại hợp đồng: theo đơn giá điều chỉnh.
- Đơn giá hàng hoá điều chỉnh theo quy tắc sau:
- Đơn giá hàng hóa giao tại kho bên mua = Giá bán lẻ - chiết khấu giảm giá (nếu có).

Trong đó:

Giá bán lẻ là đơn giá niêm yết của dầu Đêzen 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) tại vùng 1 (bao gồm thuế GTGT) do Petrolimex công bố tại phiên điều chỉnh giá gần nhất so với thời điểm giao nhận hàng hoá

Chiết khấu giảm giá (bao gồm thuế GTGT) (nếu có): đồng/lít và cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

III. Giá cả và phương thức thanh toán

1. Số lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng:

- Số lượng hàng hoá quy định trong hợp đồng là số lượng tạm tính. Số lượng này có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) tùy theo nhu cầu sử dụng của bên mua.

- Đơn giá hàng hoá tại thời điểm ký hợp đồng và đã bao gồm chi phí vận chuyển, chiết khấu giảm giá (nếu có) và các chi phí khác.

- Giá trị hợp đồng:

2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

3. Bộ chứng từ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán
- Hoá đơn GTGT do bộ tài chính quy định
- Biên bản kiểm nhập
- Giấy chứng nhận xuất xứ (đối với hàng hoá nhập khẩu)

- Giấy kiểm tra chất lượng hàng hoá của đơn vị độc lập thể hiện đầy đủ các tiêu chí như bảng chỉ tiêu chất lượng của dầu Diesel 0.05S Mức 2 (Dầu DO 0.05S-II) tại mục 2.2 – Chương I - Hồ sơ chào giá này.

- Giấy chứng nhận kiểm định dung tích của phương tiện vận chuyển và các giấy tờ khác có liên quan theo quy định

IV. Giao hàng

1. Địa điểm giao nhận: tại kho Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV

Địa chỉ: Ngõ 719 – Đường Dương Tự Minh - Phường Quan Triều – Tỉnh Thái Nguyên.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết 30/4/2027

Thời gian giao hàng: trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của bên mua.

3. Phương thức giao nhận hàng hoá: như đã quy định tại Chương II- Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng.

Bên bán phải chấp hành các quy định của nhà nước về an toàn phòng chống cháy nổ, về ứng phó sự cố tràn dầu và đảm bảo môi trường khi giao nhận hàng hoá. Khi xảy ra sự cố tràn dầu, sự cố cháy nổ hay sự cố ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình giao nhận hàng, bên bán phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về khắc phục các sự cố đó.

V. Kiểm tra chất lượng hàng hoá

Trước khi cấp hàng, Bên bán phải cung cấp cho bên mua giấy chứng nhận chất lượng của Đơn vị có chức năng và cung cấp 02 lít mẫu dầu của lô hàng cấp cho bên mua để kiểm tra, đối chứng và lưu mẫu.

Trường hợp hàng hoá không đạt thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đo lường đã quy định trong hợp đồng thì bên mua có quyền từ chối nhận hàng hoá.

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp về chất lượng dầu, các bên thống nhất gửi mẫu lưu đến Đơn vị kiểm nghiệm độc lập có chức năng. Kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm nghiệm độc lập là kết quả cuối cùng, buộc hai bên phải chấp nhận. Chi phí kiểm tra mẫu do bên sai chịu trách nhiệm

VI. Phạt hợp đồng

1. Trường hợp Bên B không hoàn thành tiến độ theo kế hoạch lấy hàng của Bên A, Bên B sẽ chịu mức phạt 0.5% giá trị khối lượng hàng hóa bị chậm cho 01 ngày chậm, nhưng không quá 8% giá trị hàng hóa bị chậm. Thời gian giao hàng chậm không quá 8 ngày, nếu quá thời gian quy định Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên B chịu mọi khoản phí phát sinh (trừ trường hợp bất khả kháng).

2. Trong quá trình sử dụng, nếu Bên A thấy có nghi ngờ về chất lượng thì Bên A có công văn gửi Bên B và Hai Bên thống nhất lấy mẫu tại bể chứa và đem đi phân tích cùng các mẫu đã nhập trước đó để so sánh kiểm tra chất lượng. Trường hợp mẫu lưu và

mẫu kiểm tra không đạt chất lượng, là do lỗi của Bên B, Bên B phải cung cấp lô hàng khác đồng thời bị phạt 8% cho giá trị lô hàng không đảm bảo chất lượng.

VII. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Giá trị, hình thức và thời hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng: bảo lãnh thực hiện hợp đồng dưới hình thức thư bảo lãnh của ngân hàng phát hành cho bên thụ hưởng là Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV với giá trị là 3% giá trị của hợp đồng. Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết 30 ngày sau ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng.

